

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG SỐ 130-LĐ/QĐ

NGÀY 19 THÁNG 5 NĂM 1985 BAN HÀNH BẢN DANH MỤC SỐ 1 CÁC CHỨC DANH ĐẦY ĐỦ CỦA ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG

- Căn cứ Quyết định số 36-CP ngày 2-2-1980 của Hội đồng Chính phủ và Chỉ thị số 277-TTg ngày 1-10-1980 của Thủ tướng Chính phủ về việc nghiên cứu xây dựng danh mục và tiêu chuẩn nghiệp vụ các chức vụ viên chức Nhà nước;
- Căn cứ Quyết định số 117-HĐBT ngày 15-7-1982 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành bản danh mục số 1 các chức vụ viên chức Nhà nước;
- Căn cứ điểm 2 Chỉ thị số 124-HĐBT ngày 7-11-1983 của Hội đồng Bộ trưởng;
- Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam và kết luận của Tiểu ban danh mục và tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức Nhà nước ngày 13-3-1985;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1

Nay ban hành bản danh mục số 1 các chức danh đầy đủ các chức vụ viên chức Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam gồm: 118 chức danh.

Điều 2

Căn cứ bản danh mục này, Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam tiến hành xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ theo điểm 3 Chỉ thị số 124-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng và tổ chức hướng dẫn thực hiện hệ thống chức danh viên chức này trong ngày nhằm đem lại hiệu quả thiết thực làm cho bộ máy gọn nhẹ, tăng cường hiệu lực quản lý trên mọi mặt công tác.

Điều 3

Tiêu chuẩn nghiệp vụ của các chức danh đầy đủ thuộc chuyên ngành nghiên cứu khoa học xã hội sẽ do Chủ nhiệm Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam ra quyết định ban hành, hướng dẫn ứng dụng thử nghiệm và tiếp tục hoàn thiện.

Điều 4

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, các văn bản trước đây trái với văn bản này đều bãi bỏ.

Điều 5

Chủ nhiệm Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam và các Viện nghiên cứu khoa học xã hội thuộc các Bộ, ngành khác sử dụng các chức danh viên chức của Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

I. NỘI DUNG BẢN DANH MỤC SỐ 1

ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 117-HĐBT ngày 15-7-1982 của Hội đồng Bộ trưởng và các quy định trong bản danh mục số 1 (chức danh gốc), bản danh mục số 1 chức danh đầy đủ các viên chức (nghiên cứu khoa học) của Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam ban hành theo Quyết định số 130/LĐ/QĐ ngày 19 tháng 5 năm 1985 bao gồm: 118 chức danh. Trong đó:

Loại A - Viên chức lãnh đạo: 81 chức danh đầy đủ

+ Nhóm 9: 40 chức danh

+ Nhóm 8: 41 chức danh

Loại B - Viên chức chuyên môn: 37 chức danh đầy đủ:
+ Nhóm 5: 37 chức danh.

II. QUY ĐỊNH SỬ DỤNG

Dựa theo quy định về phạm vi sử dụng đối với mỗi chức danh quản lý trong bản danh mục số 1 các chức danh đầy đủ theo quyết định này, Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam tiến hành xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ và hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc và các cơ quan nghiên cứu khoa học xã hội trong toàn quốc áp dụng. Mỗi chức danh đầy đủ được sử dụng trong thực tế phải có nội dung lao động đúng với luận chứng khoa học đã nghiên cứu khi hình thành các chức danh đó và Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam hướng dẫn nội dung cho cơ sở và cho từng người: Khi có trường hợp thay đổi các nội dung lao động, cơ quan chủ quản phải báo với Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam và bàn bạc với Bộ Lao động (theo Điều 2 của Quyết định số 117-HĐBT ngày 15-7-1985 của Hội đồng Bộ trưởng) để sửa đổi hoặc ngoại lệ.

III. BẢN DANH MỤC SỐ 1 CHỨC DANH ĐẦY ĐỦ CÁC CHỨC VỤ
VIÊN CHỨC ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

TT	Nhóm	Chức danh gốc	Mã số	Chức danh đầy đủ	Phạm vi sr dụng
1	2	3	4	5	6
		Nhóm 9			
1	9	Chủ nhiệm	9030	Chủ nhiệm Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam	Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam
2		Phó chủ nhiệm	9032	Phó chủ nhiệm Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam	Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam
3		Giám đốc	9080	Giám đốc Nhà in khoa học xã hội	Nhà in khoa học xã hội
4			9080	Giám đốc Nhà xuất bản khoa học xã hội	Nhà xuất bản Khoa học xã hội
5		Tổng biên tập	9110	Tổng biên tập tạp chí "Dân tộc học"	Viện Dân tộc học
6			9110	Tổng biên tập tạp chí "Đông Nam á"	Viện Đông Nam á
7			9110	Tổng biên tập tạp chí "Khảo cổ học"	Viện khảo cổ học
8			9110	Tổng biên tập tạp chí "Khoa học xã hội"	Viện khoa học xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh

9			9110	Tổng biên tập tạp chí "Kinh tế thế giới"	Viện kinh tế thế giới
10			9110	Tổng biên tập tạp chí "Luật học"	Viện Luật học
11			9110	Tổng biên tập tạp chí "Nghiên cứu Hán Nôm"	Viện nghiên cứu Hán Nôm
12			9110	Tổng biên tập tạp chí "Nghiên cứu kinh tế"	Viện kinh tế học
13			9110	Tổng biên tập tạp chí "Nghiên cứu lịch sử"	Viện Sử học
14			9110	Tổng biên tập tạp chí "Ngôn ngữ"	Viện Ngôn ngữ học
15			9110	Tổng biên tập tạp chí "Những vấn đề Châu á và Thái Bình Dương"	Viện Châu á và Thái Bình Dương
16			9110	Tổng biên tập tạp chí "Tạp chí Văn học"	Viện Văn học
17			9110	Tổng biên tập tạp chí "Thông tin khoa học xã hội"	Viện Thông tin khoa học xã hội
18	9		9110	Tổng biên tập tạp chí "Triết học"	Viện Triết học
19			9110	Tổng biên tập tạp chí "Trí thức bách khoa"	Viện Từ điển bách khoa
20			9110	Tổng biên tập tạp chí "Văn hoá dân gian"	Viện Văn hoá dân gian
21			9110	Tổng biên tập tạp chí "Việt Nam khoa học xã hội"	Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam
22			9110	Tổng biên tập tạp chí "Xã hội học"	Viện Xã hội học
23		Tổng thư ký	9150	Tổng thư ký Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam	Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam
24		Viện trưởng	9190	Viện trưởng Viện Châu á và Thái Bình Dương	
25			9190	Viện trưởng Viện Dân tộc học	
26			9190	Viện trưởng Viện Đông Nam á	
27			9190	Viện trưởng Viện Khảo cổ học	
28			9190	Viện trưởng Viện khoa học xã hội tại thành phố HCM	

29			9190	Viện trưởng Viện Kinh tế học		
30			9190	Viện trưởng Viện Kinh tế thế giới		
31			9190	Viện trưởng Viện Luật học		
32			9190	Viện trưởng Viện nghiên cứu Hán Nôm		
33			9190	Viện trưởng Viện Ngôn ngữ học		
34			9190	Viện trưởng Viện Sử học		
35			9190	Viện trưởng Viện Thông tin khoa học xã hội		
36			9190	Viện trưởng Viện từ điển bách khoa		
37			9190	Viện trưởng Viện Triết học		
38			9190	Viện trưởng Viện Văn hoá dân gian		
39			9190	Viện trưởng Viện Văn học		
40			9190	Viện trưởng Viện Xã hội học		
41	8	Chánh văn phòng phòng	8020	Chánh văn phòng Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam		
42		Thư ký	8160	Thư ký khoa học	Các Viện nghiên cứu khoa học	
43		Trưởng ban	8170	Trưởng ban đào tạo và bồi dưỡng cán bộ	Cơ quan của Ủy ban khoa học xã hội VN	
44			8170	Trưởng ban kiến thiết cơ bản	- nt -	
45			8170	Trưởng ban thanh tra - pháp chế	- nt -	
46			8170	Trưởng ban địa lý kinh tế	- nt -	
47		Trưởng phòng	1310	Trưởng phòng nghiên cứu khoa học (các chuyên ngành về khoa học xã hội)	Các Viện nghiên cứu khoa học	
48		Trưởng ban	8170	Trưởng ban biên tập	Tạp chí "Việt Nam khoa học xã hội"	
49			8170	Trưởng ban biên dịch	- nt -	
50			8170	Trưởng ban bạn đọc	- nt -	
51			8170	Trưởng ban tư liệu	- nt -	
52			8170	Trưởng ban thư ký toà soạn, trị sự	- nt -	